

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK TÔ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HSST

Ngày: 19/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Minh Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận và ông A Hải.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tú - Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Ông Trần Ngọc Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2021/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Xuân Đ (Tên gọi khác: D); sinh năm 1976 tại tỉnh Thái Bình; nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân H, sinh năm 1941 và bà Trần Thị S, sinh năm 1936; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc H (Đã ly hôn) và 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2002; gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án:

+ Ngày 08/01/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 03/2008/HSST.

+ Ngày 17/4/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xử phạt 16 tháng tù về tội “*Trốn khỏi nơi giam giữ*” theo Bản án số 15/2008/HSST.

+ Ngày 06/12/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 45/2011/HSPT.

+ Ngày 07/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xử phạt 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 03/2014/HSST.

+ Ngày 15/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi xử phạt 36 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 41/2017/HSST.

Tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2002 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 15 tháng tù tại Bản án số 53/2002/HSST ngày 26/11/2002 đã được xóa án tích; Bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum nay bị đưa ra xét xử. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Phan Thị V, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Khối 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 09/10/2020, Đỗ Xuân Đ mượn xe mô tô của một người tên H (chưa xác minh được lai lịch và đặc điểm xe mô tô) đi từ Thành phố K đến thị trấn Đ với mục đích tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Đỗ Xuân Đ đi đến nhà chị Phan Thị V (sinh năm 1983, trú tại: Khối 8, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô) thì phát hiện không có người ở nhà nên đã dùng xà beng cạy phá cửa bên hông và đột nhập vào nhà. Sau khi vào nhà, Đông đã trộm cắp 01 bức tượng hình Quan Âm Bồ Tát bằng gỗ Hương, kích thước khoảng (80x10x20) cm được đặt trên đôn gỗ tại phòng khách và số tiền mặt 1.500.000 đồng để trên tủ quần áo tại phòng ngủ (đều ở tầng trệt). Sau khi lấy được các tài sản trên, Đông quay về thành phố K trả lại xe cho H và bán tượng gỗ cho một người lạ (chưa xác minh nhân thân lai lịch) với giá 5.000.000 đồng tại khu vực bến xe tỉnh Kon Tum và tiêu xài hết số tiền đã trộm cắp. Đến ngày 15 tháng 10 năm 2020, Đỗ Xuân Đ tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sa Thầy bắt giữ và Đông đã khai nhận hành vi trộm cắp trên địa bàn huyện Đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL - ĐGTS ngày 25/01/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đắk Tô xác định, giá trị tài sản bị trộm cắp đối với bức tượng hình Quan Âm Bồ Tát bằng gỗ Hương trị giá 5.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô truy tố bị cáo Đỗ Xuân Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 cây xà beng bằng kim loại và 01 túi xách màu đen mà Đông dùng làm công cụ phạm tội là vật chứng trong vụ án, hiện các vật chứng này đã được xử lý trong vụ án khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại chị Phan Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 09/10/2020, lợi dụng việc nhà chị Phan Thị V ở khối 8, thị trấn Đ, huyện Đ không có người ở nhà, nên Đỗ Xuân Đ đã lén lút dùng xà beng cạy cửa vào nhà trộm cắp 01 tượng Quan Âm Bồ Tát bằng gỗ Hương trị giá 5.000.000 đồng và số tiền mặt 1.500.000 đồng. Tổng giá trị mà Đ trộm cắp là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà chị V, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt 36 tháng tù tại Bản án số 41/2017/HSST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi về tội “*Trộm cắp tài sản*”, với tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*”, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”. Vì vậy, bản Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 11/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Khi bị bắt tại huyện S, bị cáo đã tự thú về hành vi trộm cắp tại nhà chị V. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, Đây là các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, từ năm 2002 đến 2017 bị cáo đã 01 lần bị xử phạt tù về tội trốn khỏi nơi giam giữ và 05 lần bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản. Lần gần nhất, tại Bản án số 41/2017/HSST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chưa được xóa án tích, sau đó bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện H, Đ và S và đều bị đưa ra xét xử.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự an ninh trên địa bàn huyện Đăk Tô và các địa bàn khác. Trước đó, bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy làm bài học để tu chí làm ăn lương thiện mà vẫn liên tục phạm tội. Điều đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo, do đó cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để bị cáo biết tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền phạm tội không lớn, nên hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 cây xà beng bằng kim loại và 01 túi xách màu đen mà Đ dùng làm công cụ phạm tội, hiện các vật chứng này đã được xử lý trong vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[8] Đối với người phụ nữ tên H cho Đ mượn xe mô tô và người đàn ông mua tượng gỗ của Đông. Cơ quan điều tra không xác minh được nhân thân, lai lịch của hai người trên nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Xuân Đ (Tên gọi khác: D) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân Đ 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Đỗ Xuân Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/7/2021). Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- Công an huyện Đắk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đắk Tô;
- Bị cáo; Bị hại.
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Minh Huy